

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG ĐIỆN VNECO1

DN: C=VN, S=Đà Nẵng, O=CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN
VNECO1, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0400447064

Reason: I am the author of this document

Location:

Date: 2026.04.01 17:32:42+07'00'

Foxit PDF Reader Version: 2023.2.0

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1**

Đà Nẵng, tháng 04 năm 2026

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG ĐIỆN VNECO1**
Số: 25/BCTN-VNECO1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400447064
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.000.000.000
- Địa chỉ: Số 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0236.377.2006
- Số fax: 0236.377.2006
- Website: vneco1.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VE1

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 tiền thân là Công ty cổ phần xây lắp điện 3.1 được thành lập theo quyết định số 158/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Công ty xây lắp điện 3.1 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.1. Ngày 20/03/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 theo quyết định số 54 QĐ/XLDD3.1-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây lắp điện 3.1. Công ty được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203000512 lần thứ nhất vào ngày 31/12/2001, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 17/06/2020.

- Niêm yết: Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 04/09/2008.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thiết bị, phụ kiện
 - + Khai thác đá, cát, sỏi, và các chủng loại vật liệu xây dựng khác
 - + Bán buôn đá, cát, sỏi, và các chủng loại vật liệu xây dựng khác
 - + Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới.

- + Bán buôn vật tư, thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công
 - + Xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - + Chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm
 - + Sửa chữa và bảo dưỡng xe máy thi công và phương tiện vận tải
 - + Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, trạm biến áp đến 500 kV và các công trình nguồn điện, xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, sân bay bên cạnh. (chính)
 - + Nhà hàng, quán ăn và các cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh
 - + Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
 - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch).
 - + Sản xuất điện: đầu tư nhà máy điện độc lập, sản xuất và kinh doanh điện
 - + Dịch vụ ăn uống khác
 - + Tư vấn môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất
 - + Quán rượu, bia (trừ quán bar, vũ trường)
 - + Sản xuất các sản phẩm bê tông
 - + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định pháp luật
- Địa bàn kinh doanh: xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp trên khắp cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Hệ thống quản trị Công ty theo chỉ đạo từ trên xuống dưới, hàng năm tiến hành Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đầy đủ và đúng quy định.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, đề cử Ban giám đốc điều hành Công ty.

Công ty bao gồm các phòng ban công ty, và 03 đội sản xuất.

Văn phòng công ty, các đội sản xuất đóng trụ sở tại thành phố Đà Nẵng.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân trên 10% mỗi năm. Mục tiêu này phản ánh sự cam kết của công ty trong việc duy trì đà tăng trưởng ổn định và bền vững, cả về doanh thu và lợi nhuận.
- Để đạt được mục tiêu này, công ty sẽ tập trung vào việc tối ưu hóa hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường, phát triển các sản phẩm/dịch vụ mới, và không ngừng cải tiến quy trình quản lý và hoạt động kinh doanh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty sẽ thực hiện chiến lược phát triển đa ngành, đa nghề trong các lĩnh vực quan trọng sau đây:
- Lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch: Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển các dự án liên quan đến văn

hóa, du lịch để đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội. Các dự án này không chỉ giúp nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu của công ty mà còn mang lại giá trị văn hóa, cộng đồng cho xã hội.

- Sản xuất công nghiệp và dân dụng: Công ty sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực có nhu cầu cao và ít biến động, đồng thời phát triển sản phẩm và dịch vụ dân dụng phục vụ nhu cầu sinh hoạt và xây dựng.

Kinh doanh bất động sản: Công ty sẽ phát triển các dự án bất động sản, bao gồm xây dựng và cho thuê các cao ốc văn phòng, chung cư, khu dân cư hiện đại. Các dự án này không chỉ mang lại lợi nhuận cao mà còn giúp nâng cao hình ảnh và uy tín của công ty trong ngành xây dựng và bất động sản.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Trên cơ sở phát triển đa ngành nghề trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch sản xuất công nghiệp... công ty luôn đặt mục tiêu giữ vững trong sạch môi trường, thực hiện tốt các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm trong sản xuất công nghiệp cũng như trong đời sống văn hóa xã hội.

5. Các rủi ro:

. Biến động kinh tế xã hội:

- Rủi ro: Tình hình kinh tế xã hội của đất nước có thể thay đổi nhanh chóng và bất ngờ do các yếu tố như lạm phát, thay đổi chính sách, các cuộc khủng hoảng quốc tế, hay sự biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Những biến động này có thể tác động tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ của công ty, từ đó làm giảm doanh thu và lợi nhuận.
- Tác động đến công ty: Biến động kinh tế có thể dẫn đến sự suy giảm trong khả năng chi trả của khách hàng, làm giảm các hợp đồng thi công, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng, nơi công ty có thể phụ thuộc vào các dự án đầu tư công hoặc các công trình dân dụng.

. Tăng giá vật liệu và khan hiếm nguồn cung:

- Rủi ro: Giá cả vật liệu xây dựng, đặc biệt là các loại vật liệu chính như xi măng, cát, đá, sắt thép, thường có xu hướng leo thang trong bối cảnh thiếu hụt nguồn cung hoặc các yếu tố ngoại cảnh như biến động giá dầu, lãi suất tăng, hoặc thay đổi trong chính sách thuế, quy định môi trường. Đặc biệt, các loại vật liệu này rất dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố môi trường, dẫn đến khan hiếm và tăng giá.
- Tác động đến công ty: Tăng giá vật liệu sẽ làm tăng chi phí sản xuất và thi công, ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Hơn nữa, nếu công ty không thể duy trì được giá bán hợp lý hoặc không có chiến lược dự trữ vật liệu hợp lý, điều này có thể làm mất lợi thế cạnh tranh và giảm khả năng hoàn thành công trình đúng hạn, từ đó gây ra sự bất mãn từ khách hàng hoặc đối tác.

. Cạnh tranh trong công tác đấu thầu:

- Rủi ro: Công tác đấu thầu và tìm kiếm hợp đồng đang ngày càng cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt khi nhiều công ty trong ngành đều cố gắng giành lấy các dự án có lợi nhuận cao. Các đối thủ có thể giảm giá hoặc đưa ra các cam kết tốt hơn về chất lượng, thời gian thi công, điều kiện thanh toán, làm tăng mức độ cạnh tranh và giảm tỷ lệ trúng thầu của công ty.
- Tác động đến công ty: Để duy trì được thị phần trong một thị trường đầy cạnh tranh, công ty cần phải có chiến lược giá hợp lý, đầu tư vào công nghệ, cải thiện chất lượng dịch vụ,

hoặc có các yếu tố khác biệt hóa. Nếu không, công ty sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì hoặc mở rộng thị trường của mình.

. Tác động môi trường đối với giá vật liệu:

- **Rủi ro:** Các loại vật liệu như cát, đá, xi măng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Đặc biệt, việc khai thác cát và đá có thể dẫn đến việc giảm diện tích đất canh tác, ô nhiễm nước, và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Chính vì vậy, chính phủ có thể áp dụng các quy định nghiêm ngặt hơn về môi trường, điều này có thể làm giảm nguồn cung vật liệu hoặc làm tăng giá do các công ty phải tuân thủ các quy trình bảo vệ môi trường.
- **Tác động đến công ty:** Công ty cần phải theo sát các quy định pháp lý và môi trường trong quá trình thi công, tránh các rủi ro bị phạt hoặc đình chỉ công việc do vi phạm quy định bảo vệ môi trường. Ngoài ra, giá tăng của vật liệu có thể ảnh hưởng đến chi phí và khả năng cạnh tranh của công ty.

. Khan hiếm vật liệu xây dựng:

- **Rủi ro:** Ở một số khu vực, khan hiếm vật liệu như xi măng, cát, đá có thể xảy ra do quá trình khai thác gặp khó khăn hoặc có vấn đề trong vận chuyển. Điều này có thể làm trì hoãn các công trình, gây mất thời gian và chi phí phát sinh cho công ty.
- **Tác động đến công ty:** Nếu công ty không có nguồn cung cấp ổn định hoặc không thể duy trì được kho dự trữ vật liệu cần thiết, việc thiếu hụt vật liệu có thể làm gián đoạn tiến độ thi công và làm tăng chi phí cho công ty. Điều này có thể dẫn đến việc tăng giá thành sản phẩm hoặc mất uy tín trong mắt khách hàng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng đột biến và chuyển biến tích cực về hiệu quả tài chính, thể hiện qua các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

-Doanh thu thuần năm 2025 đạt 12.528.373.757 đồng, tăng mạnh 1.566% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này là rất cao, phản ánh việc Công ty đã mở rộng quy mô hoạt động hoặc phát sinh các khoản doanh thu đột biến (cần được phân tích kỹ về tính bền vững trong các kỳ tiếp theo).

-Tổng tài sản đạt 40.063.965.701 đồng, tăng 37%, cho thấy quy mô nguồn lực của Công ty được mở rộng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

-Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn ghi nhận lỗ 2.281.617.792 đồng, tăng mức lỗ so với năm 2024 (tăng 38%). Điều này cho thấy hoạt động cốt lõi chưa thực sự hiệu quả, chi phí sản xuất kinh doanh vẫn còn cao, cần tiếp tục kiểm soát.

-Lợi nhuận khác đạt 7.613.324.060 đồng, tăng mạnh 179%, đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo ra lợi nhuận chung của Công ty. Đây có thể là các khoản thu nhập không thường xuyên (như chuyển nhượng tài sản, bất động sản...), do đó cần lưu ý về tính ổn định lâu dài.

-Lợi nhuận trước thuế đạt 5.331.706.268 đồng, tăng 396% so với năm trước.

-Lợi nhuận sau thuế đạt 3.785.897.886 đồng, tăng 667%, đánh dấu sự chuyển biến mạnh mẽ từ mức lợi nhuận thấp sang hiệu quả cao, vượt kế hoạch đề ra.

-Công ty đã phục hồi rõ rệt về mặt tài chính, chuyển từ giai đoạn khó khăn sang có lãi cao.

Tuy nhiên, cơ cấu lợi nhuận chưa thực sự bền vững, do phụ thuộc lớn vào lợi nhuận khác thay vì hoạt động kinh doanh chính.

Doanh thu tăng trưởng đột biến là tín hiệu tích cực nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro nếu không duy trì

được trong các năm tiếp theo.

Hiệu quả hoạt động cốt lõi cần được cải thiện thông qua kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất và tối ưu vận hành.

- Nộp ngân sách nhà nước hoàn thành vượt kế hoạch.
- Vốn điều lệ không thay đổi và hoàn thành kế hoạch.
- Lao động bình quân không đạt kế hoạch, chỉ bằng 15% so với mục tiêu, cần được đánh giá lại.
- Thu nhập bình quân duy trì ổn định và đạt kế hoạch.
- Công ty đã có sự cải thiện về lợi nhuận, nhưng các chỉ tiêu như doanh thu và lao động vẫn chưa đạt kế hoạch, cần có các biện pháp điều chỉnh trong thời gian tới.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Cơ cấu tổ chức hiện nay của Công ty bao gồm 1 trụ sở chính, 03 đội sản xuất

Trụ sở của Công ty: số 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại : 0236.377.2006

Fax : 0236.377.2006

Email : vnecolvel@gmail.com

Web : vnecol.com.vn

Các đội sản xuất có văn phòng tại 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng.

Tóm tắt lịch sử của các cá nhân trong ban điều hành:

a. Ông : Đỗ Như Hiệp

Giới tính: Nam

Năm sinh: 08/08/1987

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thủy Triều, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Thẻ căn cước công dân: 031087007532

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty

b. Ông : Võ Ngọc Hải

Giới tính: Nam

Năm sinh: 27/03/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã Tiên Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

Chứng minh nhân dân: 205849746

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty

- Những thay đổi trong ban điều hành

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

| Phân loại theo trình độ người lao động | 31/12/2024 | 31/12/2025 | Tỷ lệ % |
|--|------------|------------|---------|
| | (người) | (người) | |
| Đại học và trên đại học | 3 | 3 | 1 |
| Cao đẳng | 1 | 1 | 50 |
| Trung cấp | 1 | 1 | 100 |
| Công nhân kỹ thuật | 3 | 3 | 0.3 |
| Lao động phổ thông | 0 | 0 | |
| Tổng cộng | 8 | 8 | 0.4 |

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

b) Các công ty con, công ty liên kết:

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 29,261,013,414 | 40,063,965,701 | 137 |
| Doanh thu thuần | 800,173,437 | 12,528,373,757 | 1.566 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -1,652,825,362 | -2,281,617,792 | 138 |
| Lợi nhuận khác | 2,728,669,818 | 7,613,324,060 | 279 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1,075,844,456 | 5,331,706,268 | 496 |
| Lợi nhuận sau thuế | 493,380,820 | 3,785,897,886 | 767 |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 12.09 | 4.16 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 11.11 | 4.03 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | 0.08 | 0.24 |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0.09 | 0.31 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 0.53 | 6.60 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0.03 | 0.31 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0.62 | 0.03 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0.02 | 0.12 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0.02 | 0.09 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | -2.07 | -0.18 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 : 60.000.000.000 đồng

Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp:

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (CP thường, CP ưu đãi): 6.000.000 CP

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, không thể chuyển đổi): Không

Số lượng cổ phiếu PT đang lưu hành: 5.931.280

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cổ đông trong nước đang nắm giữ: 2.115.600 CP

Cổ đông nước ngoài đang nắm giữ: 1.524.600 CP

Cổ đông tổ chức nắm giữ: 2.291.080 CP

Cổ đông lớn nắm giữ:

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Cổ phiếu quỹ hiện tại: 68.720 CP

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng người lao động là 08 người, trong đó lao động nữ là 2 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 7 triệu đồng/ người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| TT | CHỈ TIÊU | KH 2025 | TH 2025 | % TH so với KH |
|----|-------------------------------------|---------------|----------------|----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng & ung cấp DV | 8,000,000,000 | 12,528,373,757 | 6.386 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | 0 | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV | | 12,528,373,757 | |
| 4 | Giá vốn hàng bán | | 11,705,697,011 | |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV | | 822,676,746 | |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | | 386,569,400 | |
| 7 | Chi phí tài chính | | -26,356,030 | |
| 8 | Chi phí bán hàng | | - | |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 3,517,219,968 | |
| 10 | Lợi nhuận từ HĐKD | | -2,281,617,792 | |
| 11 | Thu nhập khác | | 7,755,695,111 | |
| 12 | Chi phí khác | | 142,371,051 | |
| 13 | Lợi nhuận khác | | 7,613,324,060 | |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 5,331,706,268 | |
| 15 | Chi phí thuế thu nhập hiện hành | | 1,545,808,382 | |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | | |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 250.000.000 | 3,785,897,886 | 660 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | 669 | |
| 19 | Cổ tức trên một cổ phiếu | | 0 | |

- Năm 2025, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 3,79 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch 250 triệu đồng. Tuy nhiên, kết quả này chủ yếu đến từ thu nhập khác 7,61 tỷ đồng, trong khi hoạt động kinh doanh chính bị lỗ 2,28 tỷ đồng.

- Doanh thu đạt 12,53 tỷ đồng, vượt kế hoạch nhưng biên lợi nhuận gộp thấp (~6,6%), cho thấy hiệu quả kinh doanh chưa cao. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp lớn 3,52 tỷ đồng, chi phí lớn vẫn là khoản trích dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi là nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả hoạt động.

- Tổng thể, Công ty vẫn đạt kết quả lợi nhuận tích cực, nhưng chưa bền vững do phụ thuộc vào thu

nhập bất thường. Trong thời gian tới, cần tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động chính và kiểm soát chi phí để đảm bảo tăng trưởng ổn định.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

| TT | Nội dung | 01/01/ 2025 | 31/12/2025 |
|-----|--|----------------|----------------|
| | Tài sản | | |
| A | Tài sản ngắn hạn | 28,038,013,339 | 39,636,981,118 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 10,802,256,944 | 8,157,152,991 |
| II | Các khoản đầu tư TC ngắn hạn | 9,986,660,530 | 22,611,285,054 |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 4,951,195,367 | 7,593,467,022 |
| IV | Hàng tồn kho | 2,272,730,253 | 1,272,540,679 |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 25,170,245 | 2,535,372 |
| B | Tài sản dài hạn | 1,223,000,075 | 426,984,583 |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | - | - |
| II | Tài sản cố định | 1,177,692,034 | 341,495,048 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 502,692,034 | 341,495,048 |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 675,000,000 | - |
| 3 | Tài sản cố định thuê tài chính | - | - |
| 4 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - |
| III | Bất động sản đầu tư | - | - |
| IV | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - |
| 1 | Đầu tư vào công ty con | - | - |
| 2 | Đầu tư công ty liên kết, liên doanh | - | - |
| 3 | Đầu tư dài hạn khác | - | - |
| 4 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | - | - |
| V | Tài sản dài hạn khác | 45,308,041 | 85,489,535 |
| | Tổng cộng tài sản | 29,261,013,414 | 40,063,965,701 |

Phân tích tình hình tài sản:

Tổng tài sản đạt 40,06 tỷ đồng, tăng 37% so với đầu năm.

Tài sản ngắn hạn tăng mạnh (+41%), chủ yếu do đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu tăng; trong khi tiền giảm cho thấy Công ty chuyển sang đầu tư ngắn hạn. Hàng tồn kho giảm → tích cực.

Tài sản dài hạn giảm mạnh (-65%), do giảm tài sản cố định, có thể do khấu hao hoặc thanh lý.

Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tài sản ngắn hạn, giảm tài sản dài hạn, giúp cải thiện tính linh hoạt tài chính. Tuy nhiên, việc tài sản dài hạn giảm mạnh có thể ảnh hưởng đến năng lực sản xuất kinh doanh lâu dài.

Do vậy, Công ty cần cân đối giữa đầu tư ngắn hạn và đầu tư tài sản cố định để đảm bảo phát triển bền vững.

b) Tình hình nợ phải trả

| TT | Nội dung | 01/01/ 2025 | 31/12/ 2025 |
|----|-----------|-------------|-------------|
| | Nguồn vốn | | |

| | | | |
|----|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| A | Nợ phải trả | 2,319,795,450 | 9,519,498,073 |
| I | Nợ ngắn hạn | 2,319,795,450 | 9,519,498,073 |
| II | Nợ dài hạn | - | - |
| B | Vốn chủ sở hữu | 26,941,217,964 | 30,544,467,628 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 26,941,217,964 | 30,544,467,628 |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 60,000,000,000 | 60,000,000,000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 111,973,829 | 111,973,829 |
| 3 | Vốn khác của chủ sở hữu | - | - |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | -436,450,000 | -436,450,000 |
| 5 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | - | - |
| 7 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |
| 8 | Quỹ đầu tư và phát triển | - | - |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -32,734,305,865 | -29,131,056,201 |
| 10 | Nguồn vốn đầu tư XDCB | - | - |
| II | Nguồn kinh phí và các quỹ | - | - |
| | Tổng cộng nguồn vốn | 29,261,013,414 | 40,063,965,701 |

Phân tích tình nợ phải trả:

Nợ phải trả cuối năm 2025 đạt 9,52 tỷ đồng, tăng mạnh so với đầu năm 2,32 tỷ đồng, toàn bộ là nợ ngắn hạn → Công ty gia tăng sử dụng vốn vay/chiếm dụng vốn trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu tăng từ 26,94 tỷ lên 30,54 tỷ đồng, chủ yếu do lợi nhuận năm 2025 cải thiện, làm giảm lỗ lũy kế (từ -32,73 tỷ xuống -29,13 tỷ đồng).

Đòn bẩy tài chính tăng nhưng vẫn ở mức chấp nhận được

Chưa phát sinh nợ dài hạn → áp lực dài hạn thấp

Tuy nhiên, lỗ lũy kế còn lớn, cần tiếp tục cải thiện hiệu quả kinh doanh để tăng vốn chủ sở hữu bền vững.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, Công ty định hướng thực hiện các cải tiến theo hướng nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu nguồn lực:

-Kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các bộ phận, hạn chế chồng chéo trong điều hành.

-Nâng cao năng lực quản trị chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp; tăng cường kiểm soát nội bộ, thiết lập định mức chi phí phù hợp với từng hoạt động.

-Chuẩn hóa quy trình tài chính – kế toán, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý nhằm nâng cao tính minh bạch, kịp thời và chính xác của số liệu.

-Tăng cường quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong khâu lập dự toán, kiểm soát giá vốn, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình/hợp đồng.

-Hoàn thiện chính sách nhân sự, xây dựng cơ chế lương, thưởng, đánh giá hiệu quả công việc (KPI) gắn với năng suất và hiệu quả thực tế.

-Nâng cao năng lực điều hành, tăng tính chủ động, linh hoạt của các đơn vị trực thuộc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trên cơ sở kết quả năm 2025, Công ty đề ra định hướng phát triển năm 2026 như sau:

-Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi, cải thiện biên lợi nhuận, đảm bảo hoạt động chính có lãi và giảm dần sự phụ thuộc vào thu nhập khác.

-Tăng trưởng doanh thu đi đôi với kiểm soát chi phí, đặc biệt là giá vốn và chi phí quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

-Từng bước xử lý lỗ lũy kế, củng cố năng lực tài chính, tạo nền tảng cho việc phát triển ổn định và bền vững.

-Cơ cấu lại nguồn vốn, kiểm soát nợ phải trả ở mức hợp lý, hạn chế rủi ro thanh khoản, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

-Đầu tư có chọn lọc vào tài sản cố định và năng lực thi công, đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

-Mở rộng thị trường, đa dạng hóa khách hàng và lĩnh vực hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với biến động thị trường.

-Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và điều hành, từng bước nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

- Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

- Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán. Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm có những cuộc họp theo định kỳ và kịp thời để tìm phương án, biện pháp giải quyết những vướng mắc trong quản lý, cũng như thủ tục thay đổi liên quan để đánh giá về tình hình tài chính cũng như có những quyết định quan trọng nhằm cải thiện tình hình thực tại của công ty. Các cuộc họp nhằm tìm kiếm việc làm, thu hút đầu tư và phát triển cho Công ty gắn liền với phát triển môi trường và xã hội lành mạnh là ưu tiên hàng đầu trong các hoạt động chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đã phân công các thành viên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và báo cáo kết quả trong năm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch triển khai các dự án, Công ty đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện, xây dựng điện công nghiệp và dân dụng, xuất khẩu vật tư thiết bị điện, mở rộng phương tiện vận tải, xe máy thi công sản xuất và kinh doanh điện năng, đầu tư các nhà máy điện độc lập.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị gồm 4 thành viên:

| | |
|-----------------|-----------------|
| Ông Đỗ Văn Đạt | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Đỗ Như Hiệp | Thành viên HĐQT |
| Ông Đỗ Văn Huấn | Thành viên HĐQT |
| Ông Lã Bá Độ | Thành viên HĐQT |

| TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu 01/01/2025 | | Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2025 | |
|----|---------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------|-------------------------------|-------|
| | | | Số CP | Tỷ lệ | Số CP | Tỷ lệ |
| 1 | Ông Đỗ Văn Đạt | CT HĐQT | 54.700 | 0.92 | 54.700 | 0.92 |
| 2 | Ông Đỗ Như Hiệp | TV HĐQT | 83.653 | 1.41 | 83.653 | 1.41 |
| 3 | Ông Đỗ Văn Huấn | TV HĐQT | 198.600 | 3.3 | 198.600 | 3.3 |
| 4 | Ông Lã Bá Độ | TV HĐQT | 0 | 0 | 0 | 0 |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đều thực hiện công bố thông tin của công ty, thực hiện đúng các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Về ban kiểm soát:

Bà Trần Thị Hà Trinh Trưởng ban

Ông Nguyễn Huy Kha Thành viên

Bà Lê Thị Nga Thành viên

Hàng quý, 6 tháng, năm đều kiểm tra các chức trách hoạt động của Công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng quản trị Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đã có 7 cuộc họp cụ thể như sau:

- Ngày 27 tháng 02 năm 2025 họp HĐQT chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025

Thông qua việc chốt danh sách Cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

- Ngày chốt danh sách Cổ đông: 27/03/2025
- Thời gian tổ chức: Dự kiến từ ngày 24/04/2025 - 29/04/2025

(sẽ có thông báo chính thức gửi tới cổ đông).

- Địa điểm tổ chức: Tại Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1, số 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng.

- Nội dung Đại hội:

+ Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty, Báo cáo hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2025, Báo cáo tài chính.

+ Tờ trình về việc chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2025.

+ Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027

+ Những nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông và HĐQT.

- Ngày 26/03/2025 họp HĐQT về việc thanh lý Hợp đồng kiểm toán và lựa chọn Công ty kiểm toán mới.
- Ngày 01/4/2025 Họp HĐQT về việc cho vay vốn hợp tác phát triển đầu tư
- Ngày 03/4/2025 Họp chốt thời gian ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

+ Chốt thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào lúc 8h00 Thứ Sáu ngày 24/06/2025.

➤ Ngày 28/4/2025 ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

➤ Ngày 18/06/2025, họp HĐQT bầu chủ tịch HĐQT, lựa chọn Công ty kiểm toán, bầu trưởng ban kiểm soát, nội dung cụ thể như sau:

+ Thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế để soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

➤ Ngày 28/12/2025 họp HĐQT tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2025, và kế hoạch kinh doanh năm 2026.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ

phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

Ban kiểm soát:

Bà Trần Thị Hà Trinh Trưởng ban
Ông Nguyễn Huy Kha Thành viên
Bà Lê Thị Nga Thành viên

| TT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu 01/01/2025 | | Số cổ phiếu sở hữu 31/12/2025 | |
|----|---------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------|-------------------------------|-------|
| | | | Số CP | Tỉ lệ | Số CP | Tỉ lệ |
| 1 | Trần Thị Hà Trinh | Tr BKS | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Nguyễn Huy Kha | TV BKS | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Lê Thị Nga | TV BKS | 0 | 0 | 0 | 0 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hàng quý, 6 tháng, cả năm đều giám sát hoạt động của Công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng quản trị của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Thù lao HĐQT và BKS

Chủ tịch HĐQT : 3.000.000

Thành viên HĐQT : 1.500.000

Trưởng BKS : 1.500.000

Thành viên BKS : 1.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán thể hiện các mục trên và được gửi bản gốc kèm theo.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

ĐỖ NHƯ HIỆP



Digitally signed by ĐỖ NHƯ HIỆP
DN: C=VN, S=Thành phố Hải Phòng
O=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
ĐIỆN VNECO1, CN=ĐỖ NHƯ HIỆP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
CCCD:031087007532
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.04.01 17:34:33+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.2.0

ĐỖ NHƯ HIỆP

